

Số: 154/2018/WSB

Cần Thơ, ngày 16 tháng 03 năm 2018

(Về việc công bố thông tin  
Báo cáo tài chính hợp nhất  
đã kiểm toán năm 2017)

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

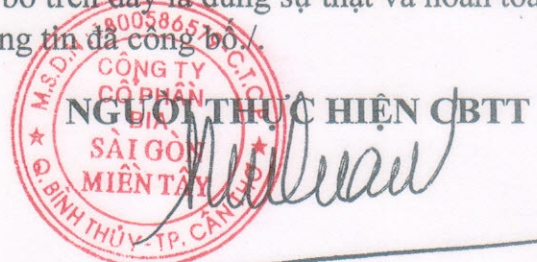
1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Nguyễn Đức Tuấn
6. Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

#### Nội dung thông tin công bố:

1. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam). Nội dung báo cáo bao gồm:
    - + Bảng cân đối kế toán;
    - + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
    - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
    - + Thuyết minh báo cáo tài chính.
  2. Giải trình chênh lệch tăng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 cao hơn năm trước 10,85% (tăng từ 109,45 tỷ đồng lên 121,32 tỷ đồng) do các nguyên nhân chủ yếu sau:
    - + Sản lượng tiêu thụ năm 2017 đạt 125,47 triệu lít bia các chai và bia lon các loại, tăng 5,53% so với năm 2016 làm lợi nhuận sản xuất chính tăng;
    - + Lợi nhuận công ty liên kết tăng làm tổng lợi nhuận tăng.
    - + Chi phí lãi vay dự án giảm làm tổng lợi nhuận Công ty tăng.
- Địa chỉ đăng tải Nội dung Báo cáo: [www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Lưu HC.



Nguyễn Đức Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 5703000144 ngày 13 tháng 4 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800586579 đã được điều chỉnh nhiều lần và thay đổi gần nhất lần thứ 7, ngày 14 tháng 9 năm 2016, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên
Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên (từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Đỗ Văn Vẻ	Thành viên (từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)

#### Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban
Ông Đoàn Tiến Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Đồng Việt Trung	Thành viên (từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc
Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2017)

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Thành Nam      Chủ tịch Hội đồng Quản trị

#### Trụ sở chính

Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc,  
Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") ủy quyền cho Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty và công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 35. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Giám đốc

\_\_\_\_\_  
Lê Đăng Khoa  
Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

TP. Cần Thơ, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 9 tháng 3 năm 2018



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") và công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017, và được Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 9 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 20 tháng 3 năm 2017.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)


CÔNG TY  
Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0875-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6602  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2018



Lương Thị Ánh Tuyết  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3048-2017-006-1

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

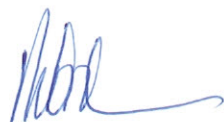
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>76.150.003.500</b>	<b>116.511.004.451</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>728.368.152</b>	<b>18.858.931.844</b>
111	Tiền		728.368.152	2.558.931.844
112	Các khoản tương đương tiền		-	16.300.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>16.470.382.447</b>	<b>30.699.979.751</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	10.816.540.508	28.614.083.257
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	3.001.741.939	1.554.284.690
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	2.652.100.000	531.611.804
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	7	<b>58.337.537.837</b>	<b>66.406.748.524</b>
141	Hàng tồn kho		58.337.537.837	66.406.748.524
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>613.715.064</b>	<b>545.344.332</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	613.715.064	545.344.332
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>746.381.084.663</b>	<b>805.013.866.602</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	3.000.000	3.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>670.260.879.822</b>	<b>721.832.721.093</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	670.260.879.822	721.832.721.093
222	Nguyên giá		957.155.224.890	949.046.142.911
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(286.894.345.068)	(227.213.421.818)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	-	-
228	Nguyên giá		73.881.710	73.881.710
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(73.881.710)	(73.881.710)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>340.404.773</b>	<b>1.715.215.136</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	340.404.773	1.715.215.136
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	11	<b>55.873.161.304</b>	<b>52.093.514.631</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết		40.079.195.904	39.838.327.831
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.135.902.200	12.255.186.800
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(341.936.800)	-
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>19.903.638.764</b>	<b>29.369.415.742</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	19.903.638.764	29.369.415.742
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>822.531.088.163</b>	<b>921.524.871.053</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>280.423.069.569</b>	<b>427.586.082.518</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>276.444.620.944</b>	<b>367.352.082.518</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	17.497.515.664	53.871.661.833
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	14.625.800
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13	89.180.105.119	88.580.511.535
314	Phải trả người lao động	14	4.819.629.165	7.659.062.164
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.331.028.307	5.860.733.737
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	4.874.408.143	5.558.195.007
320	Vay ngắn hạn	17(a)	136.551.198.548	191.512.454.948
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	20.190.735.998	14.294.837.494
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>3.978.448.625</b>	<b>60.234.000.000</b>
337	Phải trả dài hạn khác		240.000.000	234.000.000
338	Vay dài hạn	17(b)	-	60.000.000.000
342	Dự phòng phải trả dài hạn		3.738.448.625	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>542.108.018.594</b>	<b>493.938.788.535</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>542.108.018.594</b>	<b>493.938.788.535</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	145.000.000.000	145.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		145.000.000.000	145.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	211.772.122.017	210.877.316.035
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	185.335.896.577	138.061.472.500
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		103.825.249.960	64.063.466.104
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		81.510.646.617	73.998.006.396
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>822.531.088.163</b>	<b>921.524.871.053</b>



Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc  
Ngày 9 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	926.807.156.758	903.021.391.468
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	926.807.156.758	903.021.391.468
11	Giá vốn hàng bán	(763.804.708.550)	(738.848.304.886)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	163.002.448.208	164.173.086.582
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2.029.236.464	2.667.071.443
22	Chi phí tài chính	(10.877.961.496)	(23.308.322.271)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(10.529.904.617)	(23.308.322.271)
24	Phần lãi trong công ty liên kết	8.649.268.073	4.362.607.230
25	Chi phí bán hàng	(1.798.605.569)	(5.590.649.693)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(31.376.802.760)	(36.078.169.237)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	129.627.582.920	106.225.624.054
31	Thu nhập khác	5.166.693.169	19.181.629.469
32	Chi phí khác	(2.239.685.996)	(5.112.752.556)
40	Lợi nhuận khác	2.927.007.173	14.068.876.913
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	132.554.590.093	120.294.500.967
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(11.234.905.427)	(10.847.357.026)
52	Thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	121.319.684.666	109.447.143.941
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29(a) 6.621	6.201
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29(b) 6.621	6.201



Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

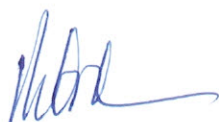


Lê Đăng Khoa  
Giám đốc  
Ngày 9 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>132.554.590.093</b>	<b>120.294.500.967</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	66.159.736.993	63.295.981.061
03	Các khoản dự phòng	4.080.385.425	(709.453.125)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(11.787.467.624)	(25.916.620.085)
06	Chi phí lãi vay	10.529.904.617	23.308.322.271
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>201.537.149.504</b>	<b>180.272.731.089</b>
09	Giảm các khoản phải thu	16.328.631.577	172.275.810.546
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	8.069.210.687	(4.887.754.911)
11	Giảm các khoản phải trả	(44.092.905.235)	(36.438.781.726)
12	Giảm chi phí trả trước	9.397.406.246	6.395.008.732
14	Tiền lãi vay đã trả	(12.007.024.664)	(25.022.921.521)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(6.364.951.823)	(13.132.786.670)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(23.754.556.103)	(16.437.620.704)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>149.112.960.189</b>	<b>263.023.684.835</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(13.455.415.808)	(43.993.033.994)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.655.436.179	37.663.993.831
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(3.880.715.400)	-
27	Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	8.034.459.548	9.662.660.948
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(7.646.235.481)</b>	<b>3.333.620.785</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
33	Thu từ vay ngắn hạn	836.681.155.500	898.965.888.109
34	Chi trả nợ gốc vay	(951.642.411.900)	(1.090.422.829.454)
36	Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	(44.636.032.000)	(57.344.337.265)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(159.597.288.400)</b>	<b>(248.801.278.610)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(18.130.563.692)</b>	<b>17.556.027.010</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3 18.858.931.844</b>	<b>1.302.904.834</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 728.368.152</b>	<b>18.858.931.844</b>



Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc  
Ngày 9 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Cần Thơ được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 6 tháng 6 năm 2006, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Cần Thơ đổi tên thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóc Trăng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất của Công ty, lần thứ 7, ngày 14 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu; kinh doanh văn phòng, nhà kho, bãi.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và công ty con có 250 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 258 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một công ty con và một công ty liên kết như sau:

<b>Công ty con</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Nơi thành lập, đăng ký hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ</b>
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát	Lô S, Khu công nghiệp An Nghiệp xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát	Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	20%

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính*****Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Công ty và công ty con được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

#### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Công ty được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty và công ty con trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty áp dụng.

### **2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc có thời hạn đáo hạn ban đầu trên ba tháng nhưng thời hạn thu hồi còn lại dưới ba tháng kể từ ngày báo cáo.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.8 Đầu tư tài chính dài hạn****Đầu tư vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.4).

**Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

**2.9 Tài sản cố định***Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 38 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	2 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)***Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và công ty con. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là bao bì luân chuyển, công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và tiền thuê đất trả trước. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.14 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty và công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

**2.17 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con tại thời điểm báo cáo.

**2.18 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và công ty con và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.18 Phân chia lợi nhuận thuần (tiếp theo)****(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và công ty con và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

**2.19 Chia cổ tức**

Cổ tức của cổ đông Công ty và công ty con được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**2.20 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty và công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty và công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty và công ty con sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty và công ty con dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty và công ty con thì Công ty và công ty con phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi Công ty và công ty con xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.21 Giá vốn**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.22 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

**2.23 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí hỗ trợ thị trường và các chi phí khác.

**2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty và công ty con gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...) và chi phí bằng tiền khác.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.25 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.26 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty và công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc của Công ty và công ty con, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.27 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty và công ty con nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty và công ty con một cách toàn diện.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2017 VND	2016 VND
Tiền mặt	352.174.942	54.717.056
Tiền gửi ngân hàng	376.193.210	2.504.214.788
Các khoản tương đương tiền (*)	-	16.300.000.000
	<u>728.368.152</u>	<u>18.858.931.844</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,3 - 4,6%/năm.

**4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba	11.359.858	-
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	10.805.180.650	28.614.083.257
	<u>10.816.540.508</u>	<u>28.614.083.257</u>

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba	2.124.755.967	1.554.284.690
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	-	618.181.818
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hoàng Vũ	-	233.929.080
Công ty Cổ phần Cơ khí Công Minh	858.181.818	-
Khác	1.266.574.149	702.173.792
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	876.985.972	-
	<u>3.001.741.939</u>	<u>1.554.284.690</u>

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

**(a) Ngắn hạn**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Phải thu cổ tức được chia (Thuyết minh 31(b))	2.402.400.000	-
Phải thu người lao động	-	522.611.804
Ký quỹ, ký cược	9.000.000	9.000.000
Các khoản khác	240.700.000	-
	<u>2.652.100.000</u>	<u>531.611.804</u>

**(b) Dài hạn**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Ký cược, ký quỹ	3.000.000	3.000.000
	<u>3.000.000</u>	<u>3.000.000</u>

**7 HÀNG TỒN KHO**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Hàng đang đi trên đường	382.229.500	-
Nguyên vật liệu tồn kho	15.833.693.193	18.619.892.003
Công cụ, dụng cụ trong kho	8.713.735.087	11.140.397.172
Chi phí SXKD dở dang	23.497.296.155	20.163.904.105
Thành phẩm tồn kho	9.910.583.902	16.069.700.517
Hàng hóa	-	412.854.727
	<u>58.337.537.837</u>	<u>66.406.748.524</u>

**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>(a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	222.456.027	477.833.013
Chi phí sửa chữa	-	17.058.944
Khác	391.259.037	50.452.375
	<u>613.715.064</u>	<u>545.344.332</u>
<b>(b) Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất	10.417.563.020	10.990.942.664
Vỏ chai, két, bao bì chờ phân bổ	3.221.930.874	10.826.059.953
Chi phí giải phóng mặt bằng	2.601.697.604	2.693.252.948
Công cụ, dụng cụ khác	2.207.050.718	1.846.690.447
Chi phí sửa chữa	929.011.473	1.032.986.467
Khác	526.385.075	1.979.483.263
	<u>19.903.638.764</u>	<u>29.369.415.742</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Số dư đầu năm	29.369.415.742	35.690.639.102
Tăng	6.505.502.868	10.460.163.893
Phân bổ trong năm	(15.971.279.846)	(16.781.387.253)
Số dư cuối năm	<u>19.903.638.764</u>	<u>29.369.415.742</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	180.390.930.931	742.581.436.808	12.826.863.597	13.246.911.575	949.046.142.911
Mua trong năm	-	8.253.253.672	914.545.454	486.345.455	9.654.144.581
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 10)	1.393.467.624	3.170.133.966	-	612.480.000	5.176.081.590
Thanh lý, nhượng bán	(161.033.340)	(5.288.081.947)	(1.224.623.223)	(47.405.682)	(6.721.144.192)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	181.623.365.215	748.716.742.499	12.516.785.828	14.298.331.348	957.155.224.890

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	31.706.752.446	181.220.993.444	7.919.284.483	6.366.391.445	227.213.421.818
Khấu hao trong năm	9.373.992.962	54.484.175.574	1.143.408.328	1.158.160.129	66.159.736.993
Thanh lý, nhượng bán	(161.033.340)	(5.045.751.498)	(1.224.623.223)	(47.405.682)	(6.478.813.743)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	40.919.712.068	230.659.417.520	7.838.069.588	7.477.145.892	286.894.345.068

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	148.684.178.485	561.360.443.364	4.907.579.114	6.880.520.130	721.832.721.093
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	140.703.653.147	518.057.324.979	4.678.716.240	6.821.185.456	670.260.879.822

Toàn bộ TSCĐ hữu hình hình thành từ dự án Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng và dự án đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ đạt 50 triệu lít/năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con với ngân hàng (Thuyết minh 17).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 43.704.777.073 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 48.037.568.830 đồng).



**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)****(b) Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	73.881.710
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	73.881.710
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 73.881.710 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 73.881.710 đồng).

**10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Những công trình lớn được trình bày như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí cải tạo vách ngăn nền nhà xưởng sản xuất cũ	252.181.270	-
Chi phí xây dựng đường nội bộ	-	1.242.137.863
Khác	88.223.503	473.077.273
	<u>340.404.773</u>	<u>1.715.215.136</u>

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Số dư đầu năm	1.715.215.136	255.396.236
Mua sắm	3.801.271.227	19.848.882.654
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 9(a))	(5.176.081.590)	(18.060.557.972)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(328.505.782)
Số dư cuối năm	<u>340.404.773</u>	<u>1.715.215.136</u>

**11 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết (i)	40.079.195.904	-	39.838.327.831	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	16.135.902.200	(341.936.800)	12.255.186.800	-
	<u>56.215.098.104</u>	<u>(341.936.800)</u>	<u>52.093.514.631</u>	<u>-</u>

(i) Biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm được trình bày như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	39.838.327.831	40.480.720.601
Phần lãi trong công ty liên kết	8.649.268.073	4.362.607.230
Cổ tức được chia (Thuyết minh 31(b))	(8.408.400.000)	(5.005.000.000)
Số dư cuối năm	<u>40.079.195.904</u>	<u>39.838.327.831</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**11 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được thể hiện như sau:

	Hoạt động chính	Địa chỉ	2017		2016			
			Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	% sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bia NGK Sài Gòn - Tây Đô	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cón và nước giải khát	Thành phố Cần Thơ	1.891.807	13.980.715.400	9,46%	1.010.000	10.100.000.000	9,71%
	Kinh doanh khách sạn, du lịch, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh các thiết bị phụ tùng công nghiệp, kinh doanh gas, kinh doanh các loại xe cơ giới, máy xây dựng, xe máy, kinh doanh sắt thép và vật liệu xây dựng, kinh doanh phân bón, kinh doanh thương mại, hàng hoá dùng cho sản xuất và tiêu dung, sản xuất nước giải khát có gas và chế biến thực phẩm phục vụ du lịch							
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC (*)		Thành phố Vũng Tàu	145.060	2.155.186.800	1,28%	145.060	2.155.186.800	1,28%
				<b>16.135.902.200</b>			<b>12.255.186.800</b>	

(\*) Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, Công ty và công ty con không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên (ngoại trừ đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC ("DIC")) vì đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn không niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào DIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 1.813.250.000 đồng và 2.973.730.000 đồng. Theo đó, một khoản dự phòng với giá trị 341.936.800 đồng đã được lập cho đầu tư vào DIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 đồng).

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bên thứ ba	14.165.201.317	8.204.415.504
<i>Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa</i>	4.111.151.573	874.409.925
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Mê Kông</i>	1.225.151.092	1.081.667.904
<i>Công ty Cổ phần Năng Lượng Xanh Sóc Trăng</i>	1.109.741.547	1.117.899.385
<i>Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Sa Đéc</i>	1.146.876.600	183.750.000
<i>Khác</i>	6.572.280.505	4.946.688.290
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	3.332.314.347	45.667.246.329
	<u>17.497.515.664</u>	<u>53.871.661.833</u>

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	<b>Tại ngày</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã thực nộp</b>	<b>Tại ngày</b>
	<b>1.1.2017</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>31.12.2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	21.907.779.590	103.852.564.146	(116.377.588.294)	9.382.755.442
Thuế tiêu thụ đặc biệt	65.806.273.571	723.807.173.399	(715.988.622.390)	73.624.824.580
Thuế nhập khẩu	-	198.392.847	(198.392.847)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	364.951.823	11.234.905.427	(6.364.951.823)	5.234.905.427
Thuế thu nhập cá nhân	501.506.551	3.050.570.861	(2.614.457.742)	937.619.670
Thuế, phí, lệ phí khác	-	103.126.195	(103.126.195)	-
Tổng cộng	<u>88.580.511.535</u>	<u>842.246.732.875</u>	<u>(841.647.139.291)</u>	<u>89.180.105.119</u>

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư lần lượt thể hiện khoản tiền lương tháng 12 năm 2017 và tháng 12 năm 2016 phải trả cho người lao động, tiền lương tháng 13, và các khoản tiền thưởng phải trả cho người lao động.

**15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ thị trường	-	300.000.000
Lãi vay	173.050.342	1.650.629.875
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	58.186.733	1.935.033.065
Khác	3.099.791.232	1.975.070.797
	<u>3.331.028.307</u>	<u>5.860.733.737</u>

**16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	60.182.554	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	457.050.000	5.000.000
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 21)	3.880.435.808	5.016.467.808
Khác	476.739.781	536.727.199
	<u>4.874.408.143</u>	<u>5.558.195.007</u>

**17 CÁC KHOẢN VAY**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>Tại ngày</b> <b>1.1.2017</b> <b>VND</b>	<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	<b>Tại ngày</b> <b>31.12.2017</b> <b>VND</b>
Vay ngân hàng	<u>191.512.454.948</u>	<u>836.681.155.500</u>	<u>(891.642.411.900)</u>	<u>136.551.198.548</u>

Vay ngắn hạn ngân hàng thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4, TP. Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 đồng Việt Nam. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm và được điều chỉnh mỗi tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản cố định hữu hình hình thành từ dự án Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng (Thuyết minh 9(a)). Thời hạn cho vay của từng khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đó.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>Tại ngày</b> <b>1.1.2017</b> <b>VND</b>	<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	<b>Tại ngày</b> <b>31.12.2017</b> <b>VND</b>
Vay ngân hàng	<u>60.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(60.000.000.000)</u>	<u>-</u>

**18 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	14.294.837.494	13.322.687.495
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20) (*)	29.650.454.607	17.409.770.703
Đã chi trong năm	(23.754.556.103)	(16.437.620.704)
Số dư cuối năm	<u>20.190.735.998</u>	<u>14.294.837.494</u>

(\*) Bao gồm khoản trích lập theo kế hoạch năm nay và điều chỉnh chênh lệch cho năm trước giữa kế hoạch và Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

**19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2017 Cổ phiếu phổ thông	2016 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký và lưu hành	<u>14.500.000</u>	<u>14.500.000</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	2017			2016		
	Cổ phiếu phổ thông	VND	%	Cổ phiếu phổ thông	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	7.395.000	73.950.000.000	51	7.395.000	73.950.000.000	51
Barca Global Maaster Fund, L.P.	841.300	8.410.300.000	5,8	-	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	6.263.700	62.639.700.000	43,2	7.105.000	71.050.000.000	49
Tổng cộng	<u>14.500.000</u>	<u>145.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>14.500.000</u>	<u>145.000.000.000</u>	<u>100</u>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>14.500.000</u>	<u>145.000.000.000</u>	<u>145.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	145.000.000.000	204.940.923.641	109.960.491.656	<b>459.901.415.297</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	109.447.143.941	<b>109.447.143.941</b>
Chia cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(58.000.000.000)	<b>(58.000.000.000)</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	5.936.392.394	(5.936.392.394)	<b>-</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2016 (Thuyết minh 18)	-	-	(15.194.761.027)	<b>(15.194.761.027)</b>
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2015 (Thuyết minh 18)	-	-	(2.215.009.676)	<b>(2.215.009.676)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	145.000.000.000	210.877.316.035	138.061.472.500	<b>493.938.788.535</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	121.319.684.666	<b>121.319.684.666</b>
Chia cổ tức (*) (Thuyết minh 21)	-	-	(43.500.000.000)	<b>(43.500.000.000)</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	894.805.982	(894.805.982)	<b>-</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2017 (Thuyết minh 18)	-	-	(25.309.038.049)	<b>(25.309.038.049)</b>
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2016 (Thuyết minh 18)	-	-	(4.341.416.558)	<b>(4.341.416.558)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	145.000.000.000	211.772.122.017	185.335.896.577	<b>542.108.018.594</b>

(\*) Bao gồm 20% mệnh giá chia cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (theo Nghị quyết số 10/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017) và 10% mệnh giá chia cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (theo Thông báo số 29/2017/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 10 năm 2017).

**21 CỐ TỨC**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	5.016.467.808	4.360.805.073
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 20)	43.500.000.000	58.000.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(44.636.032.000)	(57.344.337.265)
	<u>3.880.435.808</u>	<u>5.016.467.808</u>

**22 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Doanh thu bán thành phẩm	915.597.186.822	891.075.252.319
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.691.471.273	2.117.336.162
Doanh thu khác	9.518.498.663	9.828.802.987
	<u>926.807.156.758</u>	<u>903.021.391.468</u>

**23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Giá vốn thành phẩm đã bán	759.993.227.912	736.069.147.422
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.382.862.204	1.603.183.319
Giá vốn khác	2.428.618.434	1.175.974.145
	<u>763.804.708.550</u>	<u>738.848.304.886</u>

**24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	73.329.547	-
Cổ tức được chia	1.949.831.000	2.597.487.908
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	6.075.917	69.583.535
	<u>2.029.236.464</u>	<u>2.667.071.443</u>



**25 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí nhân viên	478.571.154	-
Chi phí hỗ trợ thị trường	701.904.227	3.973.337.366
Khác	618.130.188	1.617.312.327
	<u>1.798.605.569</u>	<u>5.590.649.693</u>

**26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí nhân viên	13.906.765.837	17.744.157.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.170.074.662	1.089.382.063
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	462.623.096	307.458.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.223.948.998	5.513.767.698
Chi phí bằng tiền khác	9.613.390.167	11.423.403.398
	<u>31.376.802.760</u>	<u>36.078.169.237</u>

**27 THU NHẬP KHÁC/ CHI PHÍ KHÁC**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi do thanh lý TSCĐ	1.443.282.488	18.970.839.815
Bồi thường tiền giải phóng mặt bằng	3.223.040.000	-
Khác	500.370.681	210.789.654
	<u>5.166.693.169</u>	<u>19.181.629.469</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí liên quan đến thanh lý TSCĐ	-	1.771.344.068
Khác	2.239.685.996	3.341.408.488
	<u>2.239.685.996</u>	<u>5.112.752.556</u>

**28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP*****Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây***

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty áp dụng mức thuế suất phổ thông 20% cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

***Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng***

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công Nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty và công ty con khác với số thuế khi được tính theo thuế suất trên được thể hiện như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	132.554.590.093	120.294.500.967
Thuế tính ở thuế suất 20%	26.463.148.970	18.355.185.809
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(2.071.646.200)	(1.392.019.028)
Chi phí không được khấu trừ	1.437.937.701	584.147.911
Thuế được miễn, giảm	(14.594.535.044)	(6.699.957.666)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>11.234.905.427</u>	<u>10.847.357.026</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	<u>11.234.905.427</u>	<u>10.847.357.026</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty và công ty con mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

**29 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	121.319.684.666	109.447.143.941
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (Thuyết minh 18) (*)	(25.309.038.049)	(19.536.177.585)
	<u>96.010.646.617</u>	<u>89.910.966.356</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>14.500.000</u>	<u>14.500.000</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>6.621</u>	<u>6.201</u>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch cho năm 2017 (năm 2016: số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được phê duyệt theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 10/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017).

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm ẩn năm có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**30 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	585.427.436.081	584.753.591.707
Chi phí nhân công	67.658.767.897	61.936.003.107
Chi phí khấu hao TSCĐ (*)	66.159.736.993	61.800.011.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.467.439.184	38.584.374.989
Các chi phí khác bằng tiền	30.259.158.654	32.913.564.704
	<u>790.972.538.809</u>	<u>779.987.545.543</u>

(\*) Bao gồm chi phí khấu hao TSCĐ cho hoạt động sản xuất và hoạt động cho thuê văn phòng lần lượt là 65.398.945.141 đồng và 760.791.852 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 61.002.350.250 đồng và 797.660.786 đồng).

**31 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty và công ty con được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn do chiếm 51% vốn cổ phần của Công ty và công ty con.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2017 VND	2016 VND
<b>i) Doanh thu bán hàng</b>		
Tổng Công ty Cổ Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	915.869.011.663	890.697.391.219
Các bên liên quan khác	174.585.625	140.369.767
	<u>916.043.597.288</u>	<u>890.837.760.986</u>
<b>ii) Bán tài sản cố định</b>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	<u>40.454.545</u>	<u>2.279.917.000</u>
<b>iii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	472.697.893.002	480.459.750.332
Các bên liên quan khác	9.641.928.723	2.318.641.000
	<u>482.339.821.725</u>	<u>482.778.391.332</u>
<b>iv) Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	8.408.400.000	5.005.000.000
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807.000	2.525.000.000
	<u>10.300.207.000</u>	<u>7.530.000.000</u>
<b>v) Các giao dịch khác</b>		
Chi trả cổ tức cho Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	22.185.000.000	22.185.000.000
Mua thêm cổ phần từ Công ty Cổ phần Bia Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	<u>3.880.715.400</u>	<u>-</u>

## 31 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
<b>vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	7.444.476.358	6.832.145.182

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2017 VND	2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	10.805.180.650	28.584.096.970
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	-	19.082.183
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	10.904.104
	<u>10.805.180.650</u>	<u>28.614.083.257</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 5)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	876.985.972	-
	<u>876.985.972</u>	<u>-</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))</b>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400.000	-
	<u>2.402.400.000</u>	<u>-</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	2.531.817.157	44.869.206.804
Các bên liên quan khác	800.497.190	798.039.525
	<u>3.332.314.347</u>	<u>45.667.246.329</u>

**32 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty và công ty con thực hiện toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh bia, các hàng hóa và dịch vụ khác chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty và công ty con không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

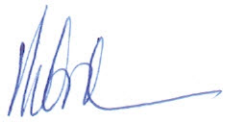
Hoạt động sản xuất và kinh doanh bia là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty và công ty con, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và công ty con, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Công ty và công ty con hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

**33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty và công ty con phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:


	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Dưới 1 năm	437.812.582	606.164.554
Từ 1 đến 5 năm	1.434.677.600	3.686.819.464
Trên 5 năm	13.270.767.800	21.195.020.395
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>15.143.257.982</b>	<b>25.488.004.413</b>

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 9 tháng 3 năm 2018.

  
 Dương Thị Thúy Hồng  
 Người lập

  
 Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng



  
 Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc